

DANH SÁCH LỚP 6.1 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Lê	An	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	43
2	Lê Vũ Thiên	Ân	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	43
3	Đỗ Thái Hiền	Anh	Nữ	Vĩnh Long	Tam Phước 1	37
4	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
5	Trần Anh	Đức	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	46
6	Nguyễn Chí	Dũng	Nam	Cà Mau	Tam Phước 3	41
7	Nguyễn Lâm Bích	Giao	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	30
8	Phạm Thị Minh	Hằng	Nữ	Đồng Nai	Âu Cơ	48
9	Lê Minh	Hằng	Nữ	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	50
34	Đỗ Lê Minh	Hằng	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	47
10	Lý Gia	Hào	Nam	Malaysia	Tam Phước 3	45
11	Trần Trung	Hiếu	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	38
12	Lê Nguyễn Gia	Huy	Nam	Đồng Tháp	Tam Phước 3	47
13	Võ Huỳnh Bảo	Khang	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	37
14	Bùi Nguyễn Gia	Khánh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	41
15	Hồ Hữu Anh	Khoa	Nam	Quảng Nam	Tam Phước 3	38
16	Trần Đăng	Khôi	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 3	50
17	Hoàng Đức Anh	Kiệt	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	50
18	Nguyễn Tuấn	Lộc	Nam	Thanh Hóa	Tam Phước 1	35
19	Đặng Nhật	Long	Nam	Ninh Bình	Tam Phước 1	47
20	Nguyễn Ngọc Tường	Minh	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	38
21	Võ Hoài	Nam	Nam	Kiên Giang	Tam Phước 3	42
22	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	Hậu Giang	Tam Phước 1	37
23	Danh Thị Khánh	Ngọc	Nữ	Hậu Giang	Tam Phước 3	44
24	Trần Thiện	Nhân	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	40
25	Bùi Thị Yến	Nhi	Nữ	Bình Dương	Tam Phước 3	47
26	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	50
27	Bùi Vân	Phong	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	31

28	Trương Đăng Quốc	Phong	Nam	Đồng Tháp	Tam Phước 1	41
29	Hồ Hoàng	Phúc	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	44
30	Nguyễn Minh	Quân	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
31	Võ Mỹ	Quyên	Nữ	Kiên Giang	Tam Phước 1	34
32	Danh	Tài	Nam	Kiên Giang	Tam Phước 3	28
33	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	45
35	Phạm Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	38
36	Phạm Hoàng Bảo	Trân	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
37	Lý Gia	Tường	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	48
38	Danh Thanh	Vương	Nam	Kiên Giang	Tam Phước 3	45
39	Ngô Ngọc Tường	Vy	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	48
40	Võ Như	Ý	Nữ	Bình Định	Tam Phước 3	45
41	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	35

Tổng

41

Nam: 23 Nữ

18

DANH SÁCH LỚP 6.2 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Trình Vi Hoàng	Anh	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
2	Đỗ Gia	Bảo	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	39
3	Lê Thị Bảo	Châu	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
4	Cao Văn	Đạt	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	41
5	Phan Thị Ngọc	Hân	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	49
6	Nguyễn Hoàng Kim	Hân	Nữ	Thanh Hóa	TH Tam Phước 3	41
7	Ngô Thị Thanh	Hậu	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	34
8	Lê Minh	Hiếu	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	48
9	Trần Đức	Hiếu	Nam	Bình Thuận	TH Tam Phước 3	44
10	Phạm Văn	Huy	Nam	Thanh Hóa	TH Tam Phước 3	40
11	Nguyễn Hùng	Huy	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	39
12	Phạm Hồ	Khải	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 3	50
13	Trần Vũ	Khang	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	35
14	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	48
15	Nguyễn Trần Anh	Khôi	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	28
16	Vũ Thùy	Linh	Nữ	Bình Thuận	TH Tam Phước 3	45
17	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	46
18	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	36
19	Vũ Hoàng Thiên	Nam	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	26
20	Nguyễn Hoàng Quý	Nguyên	Nữ	Phú Yên	TH Tam Phước 1	49
21	Vũ Yên	Nhi	Nữ	Nghệ An	TH Tam Phước 3	47
22	Trần Kim Yến	Nhung	Nữ	TP Hồ Chí Minh	TH Âu cơ	48
23	Nguyễn Đại	Phong	Nam	Đồng Nai	TH Âu cơ	38
24	Bùi Sỹ Phú	Quý	Nam	Bình Dương	TH Tam Phước 3	47
25	Lâm Như	Quỳnh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	49
26	Trịnh Tấn	Tài	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	35
27	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	46
28	Bùi Thị Bảo	Thi	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	30

29	Phạm Hà Ngọc	Thiên	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
30	Bùi Chí	Thiện	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	42
31	Trần Đức	Thịnh	Nam	Thái Bình	TH Tam Phước 3	47
32	Nguyễn Anh	Thịnh	Nam	Vũng Tàu	TH Tam Phước 1	45
33	Nguyễn Diễm	Thơ	Nữ	Cà Mau	TH Tam Phước 3	42
34	Tạ Anh	Thư	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	50
35	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	34
36	Lê Hồng	Tiến	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	45
37	Lê Thị Bảo	Trân	Nữ	Cà Mau	TH Tam Phước 3	43
38	Nguyễn Đỗ Thanh	Trúc	Nữ	Thừa Thiên Huế	TH Âu cơ	47
39	Nguyễn Phan Phạm	Trưởng	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 3	49
40	Nguyễn Na	Vy	Nữ	Hà Tĩnh	TH Tam Phước 3	47
41	Phạm Ngọc	Yến	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	44

Tổng

41

Nam 21

Nữ

20

DANH SÁCH LỚP 6.3 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	42
2	Trần Huệ Trâm	Anh	Nữ	Bạc Liêu	TH Tam Phước 1	48
3	Nguyễn Đỗ Mai	Anh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	50
4	Lê Tuấn	Anh	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	34
5	Nguyễn Bảo	Châu	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	38
6	Nguyễn Thành	Danh	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
7	Thai Tường	Duy	Nữ	Cà Mau	TH Tam Phước 3	50
8	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	47
9	Danh Phúc	Hậu	Nam	Kiên Giang	TH Tam Phước 3	40
10	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	Hà Tĩnh	TH Tam Phước 1	27
11	Phạm Đức	Hoàng	Nam	Nghệ An	TH Tam Phước 3	48
12	Nguyễn Trần Gia	Hung	Nam	Nghệ An	TH Tam Phước 3	48
13	Tăng Gia	Hung	Nam	Quảng Bình	Tam Phước 1	49
14	Nguyễn Thế Gia	Huy	Nam	Bình Dương	TH Tam Phước 3	47
15	Nguyễn Trọng	Khang	Nam	Bạc Liêu	TH Tam Phước 3	43
16	Huỳnh Duy	Khuông	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	43
17	Trần Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	Hà Tĩnh	TH Tam Phước 1	48
18	Phạm Huỳnh Tấn	Lộc	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	38
19	Lê Huỳnh Minh	Minh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	27
20	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	36
21	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	Lâm Đồng	TH Tam Phước 3	45
22	Lê Hoàng	Nguyễn	Nam	Cà Mau	TH Tam Phước 3	45
23	Trương Thị Thương	Nhớ	Nữ	Kiên Giang	TH Tam Phước 3	30
24	Lê Lâm	Phong	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
25	Nguyễn Trần Thiên	Phú	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	36
26	Nguyễn Hữu Thái	Phúc	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	46
27	Huỳnh Hữu	Phước	Nam	Bến Tre	TH Vang Quới Đô	45
28	Trần Bích	Phượng	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	46

29	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	35
30	Lê Trúc	Quỳnh	Nữ	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 3	50
31	Trịnh Đình	Son	Nam	Quảng Nam	TH Tam Phước 3	45
32	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	48
33	Nguyễn Hữu	Thiện	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	34
34	Lê Anh	Thư	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	50
35	Lê Trần Minh	Thư	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	46
36	Trần Minh	Thức	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	48
37	Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	45
38	Nguyễn Bảo	Tín	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	42
39	Vũ Thị Kim	Trúc	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	36
40	Lê Tấn	Vạng	Nam	Kiên Giang	TH Tam Phước 3	35
41	Huỳnh Ngọc Thảo	Vy	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	38
42	Phan Hà Như	Ý	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	42

Tổng 42 Nam 24 Nữ 18

DANH SÁCH LỚP 6.4 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng
1	Trương Huỳnh Phương	Anh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	45
2	Nguyễn Hoàng	Bảo	Nam	Thanh Hóa	TH Tam Phước 3	50
3	Phạm Gia	Bảo	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	43
4	Bùi Đức Nguyên	Bút	Nam	Nghệ An	TH Tam Phước 1	41
5	Lê Bảo	Châu	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	38
6	Hồ Ngọc Gia	Hân	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	44
7	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	44
8	Lê Hồ Mỹ	Hạnh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
9	Nguyễn Quốc	Hào	Nam	Bạc Liêu	TH Tam Phước 1	34
10	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	29
11	Lương Đình	Hoàng	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	42
12	Hồ Quốc	Hưng	Nam	An Giang	TH Tam Phước 3	48
13	Trần Ngọc Quế	Hương	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	40
14	Nguyễn Thái	Huy	Nam	Bạc Liêu	TH Tam Phước 3	49
15	Nguyễn Phúc Gia	Huy	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	42
16	Phạm Sang	Hy	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	43
17	Hà Nguyễn Duy	Khang	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 3	50
18	Nguyễn Kiều	Khanh	Nữ	Thái Bình	TH Tam Phước 1	50
19	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	34
20	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	37
21	Trần Phạm Gia	Linh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	50
22	Đậu Lê Bảo	Lộc	Nam	Hà Tĩnh	TH Tam Phước 3	42
23	Trần Nhựt	Long	Nam	Kiên Giang	TH Tam Phước 3	46
24	Phạm Hoàng	Minh	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 3	47
25	Đặng Hoàng	Nam	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	45
26	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	44
27	Trần Đình Khải	Nguyên	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	48
28	Đặng Tuấn	Phong	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Âu Cơ	50

29	Trần Văn	Phương	Nam	Quảng Trị	TH Tam Phước 1	40
30	Bạch Ngọc Anh	Quân	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
31	Đặng Hoàng	Thiện	Nam	Kiên Giang	TH Tam Phước 3	31
32	Hồ Đặng Quốc	Thịnh	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	43
33	Hoàng Anh	Thư	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	47
34	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	Quảng Trị	TH Tam Phước 3	48
35	Nguyễn Ngọc Trúc	Tiên	Nữ	Hậu Giang	TH Tam Phước 1	44
36	Bùi Ngọc	Tiên	Nữ	Quảng Trị	TH Tam Phước 3	27
37	Ngô Thị Thanh	Trúc	Nữ	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	49
38	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	Thanh Hóa	TH Tam Phước 1	25
39	Lèo Hoàng	Vinh	Nam	Yên Bái	TH Tam Phước 3	36
40	Tạ Thanh	Xuân	Nữ	Gia Lai	Tam Phước 3	47
41	Nguyễn Như	Ý	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	37
42	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	Gia Lai	TH Tam Phước 3	27

Tổng

42

Nam 25

Nữ

17

DANH SÁCH LỚP 6.5 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Phạm An	Nhiên	Nữ	Quảng Bình	Hướng Tân	45
2	Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	Đắk Lắk	Phan Bội Châu	46
3	Nguyễn Hoàng Bảo	Anh	Nữ	Huế	Tam Phước 3	50
4	Bùi Khắc Gia	Bảo	Nam	Tp.Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	48
5	Dương Thành	Đạt	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	48
6	Trần Nguyên	Giáp	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	46
7	Huỳnh Nguyễn Gia	Hân	Nữ	Đồng Nai	Âu Cơ	48
8	Đoàn Lê Trung	Hiếu	Nam	Bình Phước	Tam Phước 3	25
9	Trần Tiến	Huy	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	45
10	Vũ Thanh	Huyền	Nữ	Đồng Nai	Âu Cơ	42
11	Nguyễn Duy	Khang	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
12	Đặng Nguyễn Ái	Khanh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
13	Tống Anh	Khoa	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	49
14	Huỳnh Quang	Kiên	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	50
15	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
16	Phạm Trần Gia	Linh	Nữ	Quảng Bình	Dĩ An C	49
17	Trịnh Xuân	Long	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	47
18	Trần Ngọc	Long	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	49
19	Lê	Minh	Nam	Kiên Giang	Tam Phước 1	48
20	Nông Nhật	Minh	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	45
21	Phạm Thị Hoài	Mộng	Nữ	Cà Mau	Xã Tân Ân	30
22	Trần Hoài	Nam	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	48
23	Bùi Bảo	Nam	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	46
24	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1 (HSH)	33
25	Hoàng Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	Hà Giang	Tam Phước 3	50
26	Nguyễn Song Uyển	Nhi	Nữ	Quảng Nam	Tam Phước 3	46
27	Trương Thị Tuyết	Như	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
28	Châu Hào	Phát	Nam	Đồng Tháp	Tam Phước 3	31

29	Nguyễn Hoài	Phong	Nam	Hà Tĩnh	Tam Phước 1	46
30	Hoàng Phạm Đại	Phú	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	43
31	Phạm Thiên	Phú	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	50
32	Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	Tp.Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	49
33	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	Tp.Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	48
34	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Phuong	Nữ	Hậu Giang	Tam Phước 3	43
35	Nguyễn Hoàng	Phuong	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	34
36	Trương Vy Ngân	Thảo	Nữ	Vĩnh Long	A Định Thành	38
37	Phạm Phúc	Thiện	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	47
38	Hoàng Ngọc Khánh	Thư	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
39	Nguyễn Ngọc	Thuận	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
40	Nguyễn Ngọc Phương	Thy	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
41	Trần Thiên	Vũ	Nam	Tp.Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	46
42	Hoàng Hải	Yến	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	47

Tổng

42

Nam 24

Nữ

18

DANH SÁCH LỚP 6.6 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Đỗ Nguyễn Hoài	Anh	Nữ	Đồng Nai	Âu Cơ	50
2	Trịnh Bảo	Anh	Nam	Quảng Nam	Tam Phước 3	47
3	Trần Đức Tuấn	Anh	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	43
4	Ngô Gia	Bảo	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	32
5	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
6	Nguyễn Trần Minh	Hằng	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	41
7	Tăng Thị Ngọc	Hòa	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	44
8	Lê Xuân	Hợp	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	48
9	Trần Ngọc	Hùng	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	33
10	Vương Quốc	Huy	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	40
11	Trần Đăng	Khoa	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
12	Đỗ Tuấn	Kiệt	Nam	TPHCM	Tam Phước 3	50
13	Vũ Văn Tuấn	Kiệt	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	45
14	Tô Hoàng Thiên	Kim	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
15	Nguyễn Yên	Linh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	36
16	Đặng Thanh	Long	Nam	An Giang	Tam Phước 3	45
17	Ngô Hoàng	Minh	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	28
18	Phan Thị Diễm	My	Nữ	Sóc Trăng	Tam Phước 3	34
19	Quản Khánh	Ngọc	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	39
20	Phạm Trọng	Nhân	Nam	Cà Mau	Tam Phước 3	43
21	Tiêu Minh	Nhật	Nam	Cà Mau	Tam Phước 3	47
22	Phú Võ Ý	Như	Nữ	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	33
23	Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
24	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	An Giang	Tam Phước 1	47
25	Lê Tấn	Sang	Nam	Nghệ An	Tam Phước 3	43
26	Bùi Nguyễn Quốc	Thái	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
27	Danh Thị Thu	Thảo	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	50
28	Trần Minh	Thiện	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	33

29	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	Bình Dương	Tam Phước 3	49
30	Lã Thị Bảo	Thy	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	41
31	Lý Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Cà Mau	Tam Phước 3	50
32	Hoàng Ngọc Thanh	Tiền	Nữ	Đồng Nai	Tân Mai 2	45
33	Nguyễn Thùy	Trâm	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
34	Lê Công Tuấn	Tú	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước	49
35	Đào Hoàng Anh	Tuấn	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	35
36	Phạm Đắc	Tuấn	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	43
37	Nguyễn Đình Anh	Tuấn	Nam	Nghệ An	Tam Phước 1	43
38	Huỳnh Nguyễn Thảo	Uyên	Nữ	Phú Yên	Tam Phước 3	49
39	Hồ Minh	Vững	Nam	Bạc Liêu	Tam Phước 3	27
40	Thái Thanh	Xuân	Nữ	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	49
41	Lưu Thị Hải	Yến	Nữ	Yên Bái	Tam Phước 3	49

Tổng

41

Nam 22

Nữ

19

DANH SÁCH LỚP 6.7 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Hồ Bảo Phương	Anh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
2	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	Nữ	Thái Bình	Tam Phước 1	42
3	Nguyễn Trần Tuấn	Anh	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	35
4	Sơn Hoàng	Anh	Nam	Bạc Liêu	Tam Phước 3	37
5	Phạm Gia	Bảo	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
6	Nguyễn Hoàng Quốc	Đại	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	40
7	Thái Nguyễn Văn	Điền	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	45
8	Nguyễn Mạnh	Đức	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	45
9	Võ Thị Ánh	Dương	Nữ	Cà Mau	Tam Phước 3	41
10	Nguyễn Đức	Duy	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	45
11	Phan Văn Phi	Giáp	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	46
12	Phạm Thị Bảo	Hân	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
13	Trương Ngọc	Hân	Nữ	Nghệ An	Tam Phước 3	48
14	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
15	Võ Hoàng Minh	Hiếu	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	36
16	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	35
17	Thái Văn	Khang	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	38
18	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	Đồng Nai	Tân Mai 2	48
19	Nguyễn Tấn	Khôi	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
20	Phan Trung	Kiên	Nam	Cà Mau	Tam Phước 3	35
21	Đình Văn Tuấn	Kiệt	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	48
22	Nguyễn Thị	Lê	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
23	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	45
24	Phan Hưng	Lộc	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	48
25	Lý Nguyễn Thành	Long	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	50
26	Nguyễn Trúc	Ly	Nữ	Đồng Nai	Tân Mai 2	50
27	Trần Nguyễn Thảo	My	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
28	Lê Thị Bảo	Ngân	Nữ	An Giang	Tam Phước 1	36

29	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	32
30	Trần Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	47
31	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	Bình Dương	Âu Cơ	48
32	Ngô Thị Hồng	Nhung	Nữ	Tp Hồ Chí Minh	Tân Mai 2	36
33	Lê Văn Tuấn	Phi	Nam	Nghệ An	Tam Phước 3	48
34	Hồ Nguyễn Tùng	Quân	Nam	Phú Yên	Tam Phước 3	47
35	Dương Tấn Ngọc	Thái	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	43
36	Nguyễn Lê Thành	Thắng	Nam	Cần Thơ	Tam Phước 3	49
37	Trần Thanh	Thảo	Nữ	Bình Dương	Tam Phước 3	47
38	Hà Ngọc	Thu	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
39	Nguyễn Văn	Triều	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	37
40	Võ Lê Như	Ý	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
41	Trần Hải	Yến	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	45

Tổng

41

Nam 23

Nữ

18

DANH SÁCH LỚP 6.8 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Nguyễn Gia	Ân	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	47
2	Phan Mai	Anh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	49
3	Lê Diệu	Anh	Nữ	Đắc Lắc	TH Tam Phước 3	37
4	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	44
5	Nguyễn Duy Gia	Bảo	Nam	Hà Tĩnh	TH Tam Phước 1	48
6	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
7	Lê Hải	Đăng	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	50
8	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
9	Đặng Thị Ánh	Dương	Nữ	Bình Dương	TH Tam Phước 3	47
10	Phạm Thị Mỹ	Duyên	Nữ	Nghệ An	TH Tam Phước 3	47
11	Hà Mạnh	Hải	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
12	Trương Gia	Hân	Nữ	Kiên Giang	TH Tam Phước 1	44
13	Đoàn Quốc	Hùng	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	41
14	Phạm Gia	Huy	Nam	TP Hồ Chí M	TH Tam Phước 3	33
15	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	46
16	Nguyễn Đăng	Khôi	Nam	TP Hồ Chí M	TH Tam Phước 3	33
17	Nguyễn Trường	Long	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	27
18	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	Nam Định	TH Tam Phước 3	45
19	Mã Diễm	My	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	46
20	Võ Thành	Nam	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
21	Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	45
22	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	36
23	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	TP Hồ Chí M	TH Tam Phước 1	41
24	Lê Tấn	Phát	Nam	Bạc Liêu	TH Tam Phước 3	43
25	Phạm Hoàng Thiên	Phúc	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	40
26	Hứa Tiểu	Phương	Nữ	Yên Bái	TH Âu Cơ	50
27	Lê Nguyễn Thanh	Sang	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	46
28	Trương Trường	Thịnh	Nam	Cà Mau	TH Tam Phước 3	39

29	Tô Thị Cẩm	Tiên	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	38
30	Nguyễn Xuân	Toàn	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	42
31	Lương Bảo	Trâm	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	33
32	Triệu Anh	Tuấn	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	45
33	Đông Anh	Tuấn	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
34	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	TP Hồ Chí M	TH Tam Phước 3	39
35	Nguyễn Ngọc Bích	Tuyền	Nữ	TP Hồ Chí M	TH Tam Phước 1	45
36	Hà Thị Tường	Vy	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	46
37	Nguyễn Phan Yên	Vy	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	46
38	Trần Chí	Vỹ	Nam	Cần Thơ	TH Tam Phước 3	45
39	Huỳnh Như	Ý	Nữ	Cà Mau	TH Tam Phước 1	37
40	Nguyễn Trần Như	Ý	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	44
41	Phạm Nguyễn Hải	Yến	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	41

Tổng

41

Nam 22

Nữ 19

DANH SÁCH LỚP 6.9 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Đặng Nguyễn Thanh	An	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	34
2	Huỳnh Ngọc Kim	Anh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	42
3	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	42
4	Đào Xuân	Đạt	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	37
5	Bùi Nguyễn Khánh	Diệu	Nữ	Đồng Nai	Tam phước 1	49
6	Lê Anh	Đức	Nam	Bình Dương	Tam Phước 3	47
7	Lê Quốc	Hào	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	41
8	Hoàng Lê	Hiếu	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	43
9	Thạch Phan Minh	Hiếu	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
10	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	46
11	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	46
12	Nguyễn Vũ Quốc	Huy	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	46
13	Trần Nhựt	Kha	Nam	Cà Mau	Tam Phước 3	31
14	Trương Anh	Khoa	Nam	Cà Mau	Tam Phước 3	38
15	Nguyễn Ngọc Bảo	Kim	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	44
27	Nguyễn Hoàng	Kim	Nữ	TPHCM	Tam Phước 3	49
16	Hoàng Phương	Linh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	41
17	Lê Nguyễn Minh	Long	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	50
18	Trần Minh	Luân	Nam	Cần Thơ	Tam Phước 3	24
19	Khương Bảo	Nam	Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	50
20	Đình Công	Nghĩa	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
21	Nguyễn Bá Bảo	Ngọc	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
22	Nguyễn Thiện	Nhân	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	45
23	Nguyễn Thị Ngọc	Như	Nữ	Kiên Giang	Tam Phước 1	46
24	Ngô Thị Kim	Nhung	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	50
25	Nguyễn Tuấn	Phát	Nam	Ninh Thuận	Tam Phước 3	49

26	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nữ	TPHCM	Tam Phước 3	49
28	Nguyễn Anh	Quân	Nam	Đắk Lắk	Tam Phước 3	50
29	Nguyễn Tuấn	Thành	Nam	Vũng Tàu	Tam Phước 1	41
30	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	48
31	Nguyễn Văn	Thiên	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	44
32	Đặng Đoàn Minh	Thư	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	47
33	Trần Phú	Thương	Nam	Cần Thơ	Tam Phước 3	36
34	Trần Thụy Ngọc	Trâm	Nữ	Tp.Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	45
35	Nguyễn Thiện	Trí	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
36	Đặng Minh	Tuấn	Nam	Đồng Nai	Long Khánh 2	36
37	Nguyễn Thị Bảo	Uyên	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	32
38	Trần Thảo	Vi	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
39	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	Hà Tĩnh	Tam Phước 1	42
40	Võ Tường	Vy	Nữ	An Giang	Tam Phước 1	38
41	Nguyễn Kim Hạ	Vy	Nữ	Tp Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	50
42	Lý Nguyễn Như	Ý	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	36

Tổng

42

Nam 22

Nữ

20

DANH SÁCH LỚP 6.11 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Phạm Thế	Anh	Nam	Kiên Giang	TH Tam Phước 3	31
2	Nguyễn Khánh	Băng	Nữ	Cà Mau	TH Tam Phước 3	43
3	Phạm Thiên	Bình	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	50
4	Nguyễn Trí	Dũng	Nam	Bình Phước	TH Tam Phước 1	46
5	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	49
6	Nguyễn Lê Minh	Hiền	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	41
7	Nguyễn Đoàn Vĩnh	Kết	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	43
8	Phạm Minh	Khang	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	36
9	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	Nam	Cà Mau	TH Tam Phước 3	37
10	Đào Đăng	Khôi	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	46
11	Nguyễn Ngọc Tường	Lam	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	49
12	Nguyễn Vỹ	Luân	Nam	Thái Bình	TH Tam Phước 1	48
13	Nguyễn Thảo	My	Nữ	Hà Tĩnh	TH Tam Phước 3	49
14	Phạm Hoài Triệu	Ngân	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	45
15	Trần Kim	Ngân	Nữ	Bạc Liêu	TH Tam Phước 3	40
16	Cao Hoàng Khánh	Nguyên	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 3	40
17	Lê Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	48
18	Thái An	Nhi	Nữ	Thái Bình	TH Tam Phước 1	48
19	Nguyễn Quốc	Phong	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	39
20	Nguyễn Minh	Phong	Nam	Cà Mau	TH Tam Phước 3	27
21	Lương Trần Hoài	Phong	Nam	Đồng Tháp	TH Tam Phước 1	32
22	Nguyễn Huỳnh Trung	Phú	Nam	Đồng Nai	TH Tân Mai 2	39
23	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	Vĩnh Long	TH Tam Phước 3	27
24	Nguyễn Khánh	Phương	Nữ	Bắc Ninh	TH Tam Phước 3	46
25	Doãn Thị Mai	Phương	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	45
26	Nguyễn Văn	Quân	Nam	Nghệ An	TH Tam Phước 1	49
27	Lương Minh	Quân	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	42
28	Phùng Xương	Thịnh	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	42

29	Nguyễn Tuấn	Thịnh	Nam	Nghệ An	TH Tam Phước 1	36
30	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	46
31	Trịnh Xuân	Thương	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	49
32	Trần Cẩm	Tiên	Nữ	Hậu Giang	TH Tam Phước 3	45
33	Trương Thị Kim	Tiên	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	38
34	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Cà Mau	TH Tam Phước 3	46
35	Võ Thị Nguyên	Trang	Nữ	Cà Mau	TH Tam Phước 3	44
36	Lê Trí	Viễn	Nam	An Giang	TH Tam Phước 3	48
37	Nguyễn Bảo	Vinh	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	34
38	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	38
39	Nguyễn Ngọc Hải	Vy	Nữ	Đồng Nai	TH Âu Cơ	46
40	Trần Ngọc Kiều	Vy	Nữ	Kiên Giang	TH Tam Phước 3	41
41	Trần Triệu	Vy	Nữ	Kiên Giang	TH Tam Phước 1	38

Tổng 41 Nam 23 Nữ 18

DANH SÁCH LỚP 6.10 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Đặng Hoàng Trúc	Anh	Nữ	Đồng Nai	TH Tân Mai 2	47
2	Nguyễn Duy	Chiến	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	50
3	Nguyễn Vũ Thùy	Dương	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	50
4	Bùi Quang	Duy	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	45
5	Ngô Mỹ	Duyên	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	49
6	Nguyễn Phạm Ngọc	Giàu	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	41
7	Đinh Ngọc	Huệ	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	41
8	Thạch Gia	Huy	Nam	Trà Vinh	TH Tam Phước 3	49
9	Trương Nguyễn Gia	Huy	Nam	Cà Mau	TH Tam Phước 3	42
10	VŨ Quốc	Huy	Nam	Lâm Đồng	TH Tam Phước 3	46
11	Trịnh Gia	Huy	Nam	Bạc Liêu	TH Tam Phước 1	45
12	Nguyễn Phước	Khang	Nam	An Giang	TH Tam Phước 1	38
13	Hà Sơn	Lâm	Nam	Tp.Hồ Chí Minh	Nguyễn Khuyến	49
14	Tô Thanh	Liêm	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	48
15	Lưu Nguyễn Gia	Linh	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	48
16	Lương Quốc Bảo	Lộc	Nam	Nghệ An	TH Tam Phước 1	34
17	Nguyễn Hữu	Lợi	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	39
18	Tô Triệu	My	Nữ	Cà Mau	TH Tam Phước 3	46
19	La Hải	My	Nữ	Kiên Giang	Phạm Ngũ Lão	45
20	Phạm Bảo	Nam	Nam	Tp.Hồ Chí Minh	Tam Phước 3	50
21	Dương Quỳnh	Ngân	Nữ	TP Hồ Chí Minh	TH Âu Cơ	46
22	Trần Thanh Hiếu	Nghĩa	Nam	Kiên Giang	TH Tam Phước 3	34
23	Đào Bảo	Ngọc	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
24	Bùi Hoàng	Nguyên	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	47
25	Lê Thảo	Nguyên	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	41
26	Ngô Trúc	Nhi	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	50
27	Phùng Xuân	Phát	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	42
28	Huỳnh Sự	Phúc	Nam	Cà Mau	TH Tam Phước 1	48

29	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	50
30	Nguyễn Hoàng Hồng	Phương	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	40
31	Lê Mạnh	Quang	Nam	Đắk Nông	TH Tân Mai 2	37
32	Phạm Văn	Quyền	Nam	Thanh Hóa	TH Tam Phước 3	47
33	Vũ Tú	Tài	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	36
34	Lê Anh	Thư	Nữ	Bạc Liêu	TH Tam Phước 3	46
35	Trần Thị Hồng	Thúy	Nữ	Nghệ An	TH Tam Phước 3	50
36	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	48
37	Trần Thị Bảo	Trâm	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	49
38	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	37
39	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	50
40	Vũ Ngọc Như	Ý	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	49
41	Nguyễn Thị Ngọc	Yên	Nữ	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	42

Tổng

41

Nam 22 Nữ

19

DANH SÁCH LỚP 6.12 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Dur Nguyễn Linh	An	Nữ	Hà Tĩnh	TH Tam Phước 3	33
2	Nguyễn Hồng	Anh	Nam	Đông Nai	TH Tân Mai 2	32
3	Huỳnh Trương Kim	Ánh	Nữ	Đông Nai	TH Tam Phước 1	46
4	Trần Gia	Bảo	Nam	Đông Nai	TH Tam Phước 1	43
5	Tổng Gia	Bảo	Nam	Đông Nai	TH Âu Cơ	50
6	Nguyễn Bùi Ngọc	Bích	Nữ	Thanh Hóa	TH Âu Cơ	45
7	Lê Văn	Đằng	Nam	Bạc Liêu	TH Tam Phước 3	35
8	Nguyễn Hoàng Tiến	Đạt	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 1	35
9	Vũ Tuấn	Đức	Nam	Đông Nai	TH Tam Phước 3	34
10	Lê Đình Tấn	Dũng	Nam	Đông Nai	TH Tam Phước 1	48
11	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	Thanh Hóa	TH Tam Phước 1	36
12	Lê Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	Kiên Giang	TH Tam Phước 1	45
13	Trần Đặng Gia	Hân	Nữ	Vũng Tàu	TH Âu Cơ	43
14	Nguyễn Thanh	Hằng	Nữ	Đông Nai	TH Tam Phước 3	50
15	Nguyễn Anh	Hùng	Nam	Đông Nai	TH Tam Phước 1	32
16	Nguyễn Phúc	Khang	Nam	Đông Nai	TH Tam Phước 3	39
17	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	Đông Nai	TH Tam Phước 1	48
18	Tổng Quyền	Linh	Nam	Đông Nai	TH Tam Phước 3	44
19	Lê Ngọc Thùy	Linh	Nữ	Hà Tĩnh	TH Tam Phước 3	49
20	Lê Ngọc Bảo	Long	Nam	Hà Tĩnh	TH Tam Phước 3	35
21	Lưu Kỳ	Long	Nam	Vũng Tàu	TH Tam Phước 3	48
22	Ngô Thị Quỳnh	Mai	Nữ	Đông Nai	TH Tam Phước 1	34
23	Hoàng Hải	Nam	Nam	Nghệ An	Tam Phước 3	50
24	Huỳnh Thị Thu	Ngân	Nữ	Đồng Tháp	TH Tam Phước 1	43
25	Trương Phạm Lâm	Ngọc	Nữ	Đông Nai	TH Tam Phước 3	50
26	Trần Di	Nguyễn	Nam	TP Hồ Chí Minh	TH Tam Phước 3	32
27	Nguyễn Mai Thảo	Nhi	Nữ	Đông Nai	TH Tam Phước 1	45
28	Nguyễn Mai Thanh	Nhi	Nữ	Đông Nai	TH Tam Phước 1	44

HSHN

HSHN

29	Mã Kim	Như	Nữ	Bạc Liêu	TH Tam Phước 3	45
30	Võ Tấn	Phát	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	48
31	Nguyễn Ché	Phong	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	29
32	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	Thừa Thiên Huế	TH Tam Phước 3	49
33	Phan Minh	Sự	Nam	Sóc Trăng	TH Tam Phước 3	26
34	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	Cà Mau	TH Tam Phước 3	36
35	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	49
36	Nguyễn Mai	Trình	Nữ	Cà Mau	TH Âu Cơ	47
37	Huỳnh Thái	Tú	Nam	TP Hồ Chí Minh	Tam Phước 1	47
38	Lê Thanh	Tú	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	44
39	Nguyễn Thị Thanh	Tú	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	41
40	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam	Thanh Hóa	TH Tam Phước 1	35
41	Phạm Thị Thúy	Vân	Nữ	Đồng Nai	TH Tam Phước 3	41
42	Đặng Quang	Vinh	Nam	Đồng Nai	TH Tam Phước 1	45

Tổng

42

Nam 23

Nữ

19

DANH SÁCH LỚP 6.13 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Nguyễn Nhã	An	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	39
2	Dương Tuyết	Anh	Nữ	Tiền Giang	Tam Phước 1	50
3	Phan Quyền	Anh	Nam	Nghệ An	Tam Phước 1	47
4	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	43
5	Vũ Việt Thành	Đại	Nam	Đắk Nông	Tam Phước 1	44
6	Đình Thành	Đạt	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	43
7	Cáp Xuân	Đức	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
8	Trần Nguyễn Gia	Hân	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	50
9	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
10	Trần Huy	Hòa	Nam	Nam Định	Tam Phước 1	33
11	Hồ Quỳnh	Hương	Nữ	Nghệ An	Tam Phước 3	50
12	Nguyễn Văn	Huy	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	47
13	Trần Gia	Huy	Nam	Quảng Ngãi	Tam Phước 1	36
14	Bùi Minh	Khang	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	45
15	Phạm Văn Tuấn	Khang	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	50
16	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	38
17	Trịnh Thanh	Lâm	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	45
18	Nguyễn Võ Chí	Lâm	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	38
19	Phạm Văn Chí	Lâm	Nam	Tiền Giang	Tam Phước 1	34
20	Nguyễn Minh	Mạnh	Nam	Vũng Tàu	Tam Phước 3	44
21	Đặng Ngọc Thảo	My	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	47
22	Đỗ Nhật	Nam	Nam	Thanh Hóa	Tam Phước 1	48
23	Huỳnh Phạm Kim	Ngân	Nữ	An Giang	Tam Phước 3	47
24	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	39
25	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	Nữ	Bình Thuận	Tam Phước 3	47
26	Phạm Đình Thiện	Nhân	Nam	Quảng Ngãi	Tam Phước 3	44
27	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	32
28	Lâm Thiên	Phúc	Nam	Thái Bình	Tam Phước 3	46

DANH SÁCH LỚP 6.14 NĂM HỌC 2024 -2025

Stt	Họ và tên	Tên	Giới tính	Nơi sinh	HS trường	Tổng điểm
1	Phạm Tuấn	Anh	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	34
2	Đào Thị Quỳnh	Anh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	45
3	Lê Hoàng Tuấn	Anh	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
4	Phạm Hải	Băng	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
5	Trần Đình Quốc	Bảo	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	45
6	Nguyễn Ngọc	Bích	Nữ	Bình Dương	Tam Phước 3	50
7	Trần Minh	Châu	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	46
8	Hoàng Hải	Đăng	Nam	Bà Rịa - Vũng	Tam Phước 1	46
9	Trần Thành	Đạt	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
10	Nguyễn Đình Tiến	Đạt	Nam	TPHCM	Tam Phước 1	49
11	Trương Thùy	Dương	Nữ	Cà Mau	Tam Phước 1	48
12	Nguyễn Bảo	Duy	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	38
13	Đặng Thị Thanh	Duyên	Nữ	Hà Tĩnh	Tam Phước 1	48
14	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	49
15	Hoàng Thế	Hải	Nam	Đồng Nai	TH Âu Cơ	44
16	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	Nghệ An	Tam Phước 1	46
17	Nguyễn Hữu	Hiếu	Nam	Nghệ An	Tam Phước 1	39
18	Chu Văn	Huy	Nam	Nghệ An	Tam Phước 1	47
19	Ngô Quốc	Huy	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	44
20	Lê Tấn	Kiệt	Nam	TPHCM	Tam Phước 1	36
21	Từ Tuấn	Kiệt	Nam	TPHCM	Tam Phước 3	44
22	Võ Văn	Lập	Nam	Hà Tĩnh	Tam Phước 3	44
23	Hoàng Thùy	Linh	Nữ	Thanh Hóa	Tam Phước 3	50
24	Vũ Kim	Ngân	Nữ	Thái Bình	Tam Phước 1	48
25	Mai Hồng	Ngọc	Nữ	Kiên Giang	Tam Phước 1	36
26	Vòng Quảng	Nguyên	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	48
27	Đặng Hoàng	Nhân	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	49
28	Phạm Tâm	Oanh	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	50
29	Nguyễn Khánh	Phương	Nam	Cà Mau	Tam Phước 3	45
30	Lê Phạm Minh	Quân	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	27

31	Lê Hoàng	Quân	Nam	TPHCM	Tam Phước 3	49
32	Phan Hữu	Thanh	Nam	Nghệ An	Tam Phước 1	47
33	Trần Tuấn	Thành	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 3	47
34	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	34
35	Ngô Đỗ Anh	Thư	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	47
36	Trần Thị Kim	Tiến	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	47
37	Trần Thanh	Tiền	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	50
38	Nguyễn Phúc	Toàn	Nam	Đồng Nai	Tam Phước 1	43
39	Trương Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 1	32
40	Lê Văn Trương Anh	Vũ	Nam	Đồng Nai	TH Âu Cơ	45
41	Phạm Thị Yên	Vy	Nữ	Đồng Nai	Tam Phước 3	50

Tổng

41

Nam 23

Nữ

18